**TOÁN**

 **BÀI 11: SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được số thập phân bằng nhau; tìm được các số thập phân bằng nhau; So sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- HScó ý thức trách nhiệm với việc tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu**

- Trò chơi: Ai nhanh ai đúng: **So sánh hai số thập phân**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) 53,29 và 53,92 | b) 47,74 và 39,75  | c) 25,219 và 25,219 |

- HS trả lời thêm câu hỏi:

+ Muốn so sánh hai số thập phân ta làm thế nào?

+ Qua trò chơi, chúng ta ôn lại kiến thức gì?

- GV dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động Luyện tập, thực hành**

**Bài 1. (Cả lớp)**

a) Số thập phân bằng nhau

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu về số thập phân bằng nhau theo gợi ý a.

+ Viết các Phân số thập phân  và thành số thập phân

+ So sánh 2 Phân số thập phân và 

- Nghe GV kết luận: Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

- HS nêu cách tìm 2 số thập phân bằng nhau

**b) Tìm chữ số thích hợp.**

??

??

??

13,7 = 13,7 8,6100 = 8,6 21,4050 = 21,40

- HS nêu câu hỏi, suy nghĩ và làm cá nhân

- Một số HS chia sẻ bài làm:

13,7 = 13,70 8,6100 = 8,61 21,4050 = 21,405

- HS trả lời thêm câu hỏi: Muốn tìm số thập phân bằng nhau ta làm thế nào?

- HS khác nhận xét.

- GV nhận xét, chốt.

**Bài 2. Trò chơi “Truyền điện”**

- HS đọc yêu cầu

- HS suy nghĩ cá nhân

- HS trình bày kết quả bằng trò chơi: Truyền điện

a) 8,900 ;  5,820 ;    0,170 ;   31,600

b) 7,7 ;    13,05;    25,3  ;   10,507

- Nghe GV nhận xét, chốt : Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

**Bài 3. Số? (Cặp đôi)**

- HS đọc yêu cầu, phân tích:

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

- HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả ghi vào bảng phụ

- Đại diện nhóm chia sẻ:

\* Dự kiến câu trả lời

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên | Mị | Núi | Páo |
| Cân nặng (kg) | 32,5 kg | 34,7 kg | 31,9 kg |

- HS trao đổi, giải thích cách làm:

Ta có: 31,9 kg < 32,5 kg < 34,7 kg (Phần nguyên có 31 < 32 < 34)

nên Núi: 34,7 kg; Páo: 31,9 kg; còn lại Mị: 32,5 kg

- Nghe GV nhận xét, chốt các so sánh số thập phân.

**Bài 4. Chọn câu trả lời đúng (Cặp đôi)**

**Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1,036 và bé hơn 2.**

- HS đọc yêu cầu

- 2 HS trao đổi

- Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp, trao đổi cách làm:

+ Các con cá ghi số thập phân bao nhiêu?

+ Muốn tìm được: Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1,036 và bé hơn 2, ta làm thế nào? (So sánh các số thập phân)

- HS nêu cách so sánh: Ta có: 0,95 < 1,036 < 1,36 <2,01

 Mà 1,036 < 1,36 < 2

Vậy con cá mà chú mèo câu được là con cá có số 1,36. Chọn đáp án C

- Nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương HS

**4. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS sử dụng tình huống như bài tập 4: Tìm đáp án với trường hợp:Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1 và bé hơn 1,36 và chia sẻ với người thân cách làm.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………….……

…...……………………………………………………………….………………….